Chi tiết mã HS 7505.12.00

Mã HS	7505.12.00
Mô tả hàng hóa	Niken ở dạng thanh, que, hình và dây / - Thanh, que và hình: / - - Bằng hợp kim niken
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	15/11/2026 11:39:12
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/75051200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12152
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12152
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q12152
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ12152
Thuế XK ưu đãi CPTPP	5	5%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM12152
Thuế XK ưu đãi EVFTA	5	5%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP12152
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	5	5%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS12152

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11493
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11436
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11436
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11436
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11436
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11436
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11436
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E11488
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11488

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11488
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11488
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11488
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11488
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11489
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11489
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11489
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11489
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11489
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11489
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11492
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11442
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11448
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11448
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11448
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11448
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11448
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11448
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11481
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11481
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11481
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11481
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11481
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11481
VCFTA	2022	2022	0	VC!D11526
VCFTA	2023	2023	0	VC!E11526

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11526
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11526
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11526
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11526
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11511
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11511
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11511
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11511
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11511
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11511
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D11511
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E11511
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F11511
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G11511
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H11511
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11511
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D11528
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11528
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11528
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11528
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11528
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11528
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D11527
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11527
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11527
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11527

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11527
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11527
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11474
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11474
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11474
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11474
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11474
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11474
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11474
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11511
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11511
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11511
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11511
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11511
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11511
RCEP B	2022	2022	0	B!D11511
RCEP B	2023	2023	0	B!E11511
RCEP B	2024	2024	0	B!F11511
RCEP B	2025	2025	0	B!G11511
RCEP B	2026	2026	0	B!H11511
RCEP B	2027	2027	0	B!I11511
RCEP C	2022	2022	0	C!D11511
RCEP C	2023	2023	0	C!E11511
RCEP C	2024	2024	0	C!F11511
RCEP C	2025	2025	0	C!G11511
RCEP C	2026	2026	0	C!H11511

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11511
RCEP D	2022	2022	0	D!D11510
RCEP D	2023	2023	0	D!E11510
RCEP D	2024	2024	0	D!F11510
RCEP D	2025	2025	0	D!G11510
RCEP D	2026	2026	0	D!H11510
RCEP D	2027	2027	0	D!I11510
RCEP E	2022	2022	0	E!D11514
RCEP E	2023	2023	0	E!E11514
RCEP E	2024	2024	0	E!F11514
RCEP E	2025	2025	0	E!G11514
RCEP E	2026	2026	0	E!H11514
RCEP E	2027	2027	0	E!I11514
RCEP F	2022	2022	0	F!D11511
RCEP F	2023	2023	0	F!E11511
RCEP F	2024	2024	0	F!F11511
RCEP F	2025	2025	0	F!G11511
RCEP F	2026	2026	0	F!H11511
RCEP F	2027	2027	0	F!I11511
VIFTA	2024	2024	0	VI!F10655
VIFTA	2025	2025	0	VI!G10655
VIFTA	2026	2026	0	VI!H10655
VIFTA	2027	2027	0	VI!I10655

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Niken > Bán thành phẩm, sản phẩm bằng đồng hoặc hợp kim đồng. (Tham chiếu mã HS 2 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7505.12.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7505.12.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12152), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.